



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Lô 04 Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Lô 04 Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 7 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 17 số 4000386181 ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Bà Phạm Thị Minh Phượng	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Ông Trần Quang Thái	Thành viên (Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Ông Đinh Ngọc Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	Trưởng ban (Bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Bà Hồ Thị Thu Hồng	Thành viên Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Ông Nguyễn Đình Quyết	Thành viên Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 và bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 theo Nghị quyết số 28/NQ-DHCD/VHG ngày 22/7/2020 của Đại hội đồng cổ đông.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Lô 04 Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 33, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Su Quảng Nam



VU ANH TUẤN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2021



Số: 023/2021/BCKTHN-HT.0075

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Ngày 01/8/2019, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam (Công ty con) đã bàn giao phần diện tích đất bị thu hồi thuộc Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang (diện tích thu hồi: 327,66 ha tại xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam) và nộp lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng cho Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Nam theo quyết định thu hồi đất số 3368/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Quảng Nam ngày 08/11/2018. Tuy nhiên, Tập đoàn chưa đánh giá tổn thất của tài sản trên phần diện tích đất bị thu hồi để ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh. Với các tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan cũng như ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh đến báo cáo tài chính hợp nhất, do đó chúng tôi không thể đưa ra kết luận về vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 4.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đã phát sinh khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.336.225.796.111 đồng, chiếm 89,08% vốn điều lệ. Ngoài ra, tại ngày 31/12/2020, Công ty mẹ có khoản nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước với số tiền 10.777.410.703 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mẹ mở tại các ngân hàng (xem tại Thuyết minh số 5.12 của Báo cáo tài chính hợp nhất). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, Chủ tịch hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai thông qua các hoạt động tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 4018-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.294.994.585	71.383.312.042
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		41.362.087	67.273.973
1. Tiền	111		41.362.087	67.273.973
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		54.000.000	54.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		350.000.000	350.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(296.000.000)	(296.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.770.855.448	67.878.710.896
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		137.912.649.442	140.507.627.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.243.081.755	10.270.581.755
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		665.618.333	733.118.333
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(115.050.494.082)	(83.632.617.163)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		8.910.019.214	8.910.019.214
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(8.910.019.214)	(8.910.019.214)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.428.777.050	3.383.327.173
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		565.714.565	520.264.688
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		2.863.062.485	2.863.062.485
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		233.216.125.926	257.483.316.995
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		64.916.305.772	69.804.784.224
1. Tài sản cố định hữu hình	221		64.916.305.772	69.804.784.224
- Nguyên giá	222		98.859.358.315	98.859.358.315
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(33.943.052.543)	(29.054.574.091)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(675.311.099)	(675.311.099)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		57.255.569.709	57.374.503.791
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		57.255.569.709	57.374.503.791
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		102.759.612.172	121.764.154.666
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		102.759.612.172	121.764.154.666
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		8.284.638.273	8.539.874.314
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.284.638.273	8.539.874.314
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		270.511.120.511	328.866.629.037

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		44.362.696.429	29.605.108.737
I. Nợ ngắn hạn	310		15.483.614.460	5.920.309.816
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.258.596.000	1.258.596.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.527.422	97.591.991
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		10.777.410.703	-
4. Phải trả người lao động	314		8.000.000	84.262.767
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.463.034.669	3.532.813.392
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947.045.666	947.045.666
II. Nợ dài hạn	330		28.879.081.969	23.684.798.921
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		28.879.081.969	23.684.798.921
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		226.148.424.082	299.261.520.300
I. Vốn chủ sở hữu	410		226.148.424.082	299.261.520.300
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26.169.114.884	26.169.114.884
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.336.225.796.111)	(1.269.349.115.555)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.265.873.812.526)	(1.259.190.206.025)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(70.351.983.585)	(10.158.909.530)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		36.205.105.309	42.441.520.971
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		270.511.120.511	328.866.629.037

Người lập biểu

Hanh

NGUYỄN THỊ HẠNH

Kế toán trưởng

Hanh

NGUYỄN THỊ HẠNH

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2021
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



VŨ ANH TUẤN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	8.908.654.136
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10= 01-02)	10		-	8.908.654.136
4. Giá vốn hàng bán	11		-	8.820.449.640
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		-	88.204.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		188.831	2.471.423.406
7. Chi phí tài chính	22		102.000	130.551.878.386
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	453.618.010
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	(19.004.542.494)		-
9. Chi phí quản lý kinh doanh	26	40.516.075.286		13.743.572.745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30	(59.520.530.949)	(141.735.823.229)	
11. Thu nhập khác	31	2.100.000.000		656.472.438
12. Chi phí khác	32	10.498.282.221		2.493.769
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(8.398.282.221)	653.978.669	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(67.918.813.170)	(141.081.844.560)	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-		-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.194.283.048	(115.572.289.546)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60	(73.113.096.218)	(25.509.555.014)	
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	(70.351.983.585)	(10.158.909.530)	
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(2.761.112.633)	(15.350.645.484)	
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(469)	(68)	
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(469)	(68)	

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2021
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng





NGUYỄN THỊ HẠNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

VŨ ANH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(67.918.813.170)	(140.954.115.840)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.888.478.452	4.930.647.246
Các khoản dự phòng	03		31.417.876.919	(37.860.548.818)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		19.004.353.663	164.703.120.804
Chi phí lãi vay	06		-	453.618.010
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(12.608.104.136)	(8.727.278.598)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.644.528.652	(8.164.241.537)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.682.238.726	(32.339.894.969)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		255.236.041	230.807.412
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.625.530.607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(158.807.641)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(26.100.717)	(50.784.945.940)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		-	(167.119.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	55.674.289.104
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		188.831	2.471.423.406
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		188.831	57.978.592.962

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động TC				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(7.846.758.497)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		-	(7.846.758.497)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(25.911.886)	(653.111.475)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		67.273.973	720.385.448
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD QĐ ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		41.362.087	67.273.973

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THỊ HẠNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

VŨ ANH TUẤN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 7 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 17 số 4000386181 ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ

1.3. Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ

Hoạt động chính của Tập đoàn là trồng cây cao su

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp:

a) Tại ngày 31/12/2020, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 31/12/2019: 01 công ty con)

- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 01 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

b) Các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	72%	72%

c) Các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	49%	49%

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020 là 03 (tại ngày 31/12/2019 là 03).

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1. Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2020, Tập đoàn đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.336.225.796.111 đồng, chiếm 89,08% vốn điều lệ. Ngoài ra, tại ngày 31/12/2020 Tập đoàn có khoản nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 10.777.410.703 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Tập đoàn mở tại các ngân hàng (xem tại thuyết minh số 5.9 của Báo cáo tài chính hợp nhất). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, Chủ tịch hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai thông qua các hoạt động tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Dựa trên các cơ sở này, Chủ tịch hội đồng quản trị cho rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Vi vậy, báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Tập đoàn không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như nêu trên

4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá hợp nhất biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 06 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 12 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| ▪ Tài sản cố định khác | 20 năm |

4.8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua mà phần mềm máy tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan, được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

4.9. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.11. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12. Vốn chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14. Doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung bán hàng và cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.15. Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lỗ do thanh lý các khoản đầu tư, chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.16. Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Tập đoàn áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4.17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định hợp nhất biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định hợp nhất biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	997.728	13.593.796
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.364.359	53.680.177
Cộng	41.362.087	67.273.973

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Lô 04 Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Cổ phiếu				
Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu	350.000.000	(296.000.000)	54.000.000	350.000.000
Cộng	350.000.000	(296.000.000)	54.000.000	350.000.000
				54.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh				
Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	121.800.000.000	102.759.612.172	(*) 121.800.000.000	121.764.154.666
Cộng	121.800.000.000	102.759.612.172	121.800.000.000	121.764.154.666

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin về công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2020**Tên Công ty**

Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn
 Địa chỉ: Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Tỷ lệ sở hữu trực tiếp: 49%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 49%

Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu của khách hàng

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Phạm Văn Minh	63.750.000.000	63.750.000.000
Đỗ Thị Bé	56.800.000.000	56.800.000.000
Phải thu của các đối tượng khác	17.362.649.442	19.957.627.971
Cộng	<u>137.912.649.442</u>	<u>140.507.627.971</u>
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên liên quan	-	-

5.4. Phải thu khác

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Phải thu người lao động	-	-	67.500.000	-
Công ty CP Điện tử - Viễn thông Tin học Bưu điện	665.618.333	(665.618.333)	665.618.333	(665.618.333)
Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	<u>665.618.333</u>	<u>(665.618.333)</u>	<u>733.118.333</u>	<u>(665.618.333)</u>

5.5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
		<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
		VND	VND	VND	VND
Phạm Văn Minh	trên 03 năm	63.750.000.000	-	trên 03 năm	63.750.000.000
Đỗ Thị Bé	từ 01 năm đến 02 năm	56.800.000.000	28.400.000.000	dưới 06 tháng	56.800.000.000
Đối tượng khác		28.130.332.726	5.229.838.644		37.742.472.448
Cộng		<u>148.680.332.726</u>	<u>33.629.838.644</u>		<u>158.292.472.448</u>
					<u>74.659.855.285</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.910.019.214	(8.910.019.214)	8.910.019.214	(8.910.019.214)
Cộng	8.910.019.214	(8.910.019.214)	8.910.019.214	(8.910.019.214)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém mát phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng;
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 đồng;

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	(8.910.019.214)	(8.910.019.214)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	(8.910.019.214)	(8.910.019.214)

5.7. Xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	57.255.569.709	57.255.569.709	57.374.503.791	57.374.503.791
Cộng	57.255.569.709	57.255.569.709	57.374.503.791	57.374.503.791

Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam đã được UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 3 số 8120572766 ngày 06/5/2016 (Thay thế: Giấy chứng nhận đầu tư số 49/CN-UBND ngày 03/10/2008; Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 1 số 38/CN-UBND ngày 14/7/2011, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 2 số 90/CN-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Lô 04 Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND		VND	VND	
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	98.097.479.064		608.983.628	110.335.623		42.560.000				98.859.358.315
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-		-	-		-				-
- Thanh lý, nhượng bán	-		-	-		-				-
- Giảm khác	-		-	-		-				-
Số dư cuối năm	98.097.479.064		608.983.628	110.335.623		42.560.000				98.859.358.315
Giá trị đã hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	28.299.022.142		602.656.326	110.335.623		42.560.000				29.054.574.091
- Khấu hao trong năm	4.882.151.150		6.327.302	-		-				4.888.478.452
- Thanh lý, nhượng bán	-		-	-		-				-
- Giảm khác	-		-	-		-				-
Số dư cuối năm	33.181.173.292		608.983.628	110.335.623		42.560.000				33.943.052.543
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	69.798.456.922		6.327.302	-		-				69.804.784.224
Tại ngày cuối năm	64.916.305.772		-	-		-				64.916.305.772

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không phát sinh;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	675.311.099	675.311.099
- Mua trong năm	-	-
Số dư cuối năm	675.311.099	675.311.099
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	675.311.099	675.311.099
- Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	675.311.099	675.311.099
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng;
- TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 đồng;

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí đền bù DA Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, Quảng Nam (Phân bổ 50 năm)	8.284.638.273	8.539.874.314
Cộng	8.284.638.273	8.539.874.314

5.11. Phải trả người bán

a) Các khoản phải trả người bán

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Công Ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000
Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	372.575.000	372.575.000
Phải trả cho các đối tượng khác	158.046.000	158.046.000
Cộng	1.258.596.000	1.258.596.000

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Công Ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000
Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	372.575.000	372.575.000
Phải trả cho các đối tượng khác	158.046.000	158.046.000
Cộng	1.258.596.000	1.258.596.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế phải nộp

	<u>Đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.515.244.061	-	6.515.244.061
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	4.300.144.634	37.977.992	4.262.166.642
Cộng	-	10.815.388.695	37.977.992	10.777.410.703

(*) Tại ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (Công ty mẹ) còn nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 10.777.410.703 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa tài khoản của Công ty mở tại các ngân hàng.

Thuế phải thu

	<u>Đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.824.593.206	-	-	2.824.593.206
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.231.663	-	-	5.231.663
Thuế thu nhập cá nhân	1.153.725	82.163.333	82.163.333	1.153.725
Thuế tài nguyên	32.083.891	-	-	32.083.891
Cộng	2.863.062.485	82.163.333	82.163.333	2.863.062.485

5.13. Phải trả phải nộp khác ngắn hạn

a) Ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	154.751.551	149.604.274
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	76.025.547	76.025.547
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.232.257.571	3.307.183.571
Cộng	2.463.034.669	3.532.813.392

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	76.025.547	76.025.547
Trần Văn Anh Tùng	2.688.571	2.688.571
UBND xã Tam Lộc	59.495.000	59.495.000
Cộng	138.209.118	138.209.118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	28.879.081.969	23.684.798.921
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	<u>28.879.081.969</u>	<u>23.684.798.921</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Lô 04 Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.15. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND				
Số dư đầu năm trước	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	26.169.114.884	(1.259.190.206.025)	4.525.054.164	271.503.963.023
Tăng vốn trong năm trước						
Lãi trong năm trước				(10.158.909.530)	(15.350.645.484)	(25.509.555.014)
Tăng khác					53.267.112.291	53.267.112.291
Số dư đầu năm nay	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	26.169.114.884	(1.269.349.115.555)	42.441.520.971	299.261.520.300
Tăng vốn trong năm nay						
Lãi trong năm nay				3.475.303.029	-	3.475.303.029
Tăng khác				(70.351.983.585)	(2.761.112.633)	(73.113.096.218)
Lỗ trong năm nay					(3.475.303.029)	(3.475.303.029)
Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	26.169.114.884	(1.336.225.796.111)	36.205.105.309	226.148.424.082

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cộng	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	-	8.908.654.136
Cộng	<u>-</u>	<u>8.908.654.136</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	8.820.449.640
Cộng	<u>-</u>	<u>8.820.449.640</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	188.831	292.393
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.471.131.013
Cộng	<u>188.831</u>	<u>2.471.423.406</u>

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	453.618.010
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	130.098.196.550
Chi phí tài chính khác	102.000	63.826
Cộng	<u>102.000</u>	<u>130.551.878.386</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	259.253.849	501.897.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.888.478.452	4.930.647.246
Dự phòng phải thu khó đòi	34.012.855.448	7.500.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.226.404	461.286.234
Chi phí khác bằng tiền	860.261.133	489.083.007
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(139.341.230)
Cộng	<u>40.516.075.286</u>	<u>13.743.572.745</u>

6.6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu tiền phạt	-	-
Các khoản khác	2.100.000.000	656.472.438
Cộng	<u>2.100.000.000</u>	<u>656.472.438</u>

6.7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	4.379.144.634	351.125
Các khoản khác	6.119.137.587	2.142.644
Cộng	<u>10.498.282.221</u>	<u>2.493.769</u>

6.8. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	259.253.849	501.897.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.888.478.452	4.930.647.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.226.404	461.286.234
Chi phí bằng tiền khác	860.261.133	489.083.007
Cộng	<u>6.503.219.838</u>	<u>6.382.913.975</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	5.194.283.048	156.840.232
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(115.729.129.778)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>5.194.283.048</u>	<u>(115.572.289.546)</u>

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Đơn vị tính	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	(70.351.983.585)	(10.158.909.530)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	(70.351.983.585)	(10.158.909.530)
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	150.000.000	150.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phiếu	(469)	(68)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VND/Cổ phiếu	(469)	(68)

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp	-	-

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
1. Ông Vũ Anh Tuấn		
+ Mượn tiền	1.025.074.000	740.000.000

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả, phải nộp khác		
+ Ông Vũ Anh Tuấn	2.170.074.000	1.145.000.000

7.3 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Tập đoàn không phát sinh doanh thu và giá vốn bán hàng hóa.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tập đoàn đã được kiểm toán. Một số số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay do ảnh hưởng từ kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế tại Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (Công ty mẹ), cụ thể như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo		Số sau phân loại lại	
		VND	VND	VND	VND
Thu nhập khác	31	-	656.472.438	656.472.438	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	(10.658.541.736)	499.632.206	(10.158.909.530)	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019:

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo		Số sau phân loại lại
		VND	VND	
Tài sản ngắn hạn khác	150			
Thuế GTGT được khấu trừ	152	573.090.813	(52.826.125)	520.264.688
Nợ ngắn hạn	310			
Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.902.247.348	(643.651.348)	1.258.596.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	163.239.206	(65.647.215)	97.591.991
Nợ dài hạn	330			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	38.227.958.689	(14.543.159.768)	23.684.798.921
Vốn chủ sở hữu	410			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(1.284.548.747.761)	15.199.632.206	(1.269.349.115.555)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(1.273.890.206.025)	14.700.000.000	(1.259.190.206.025)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(10.658.541.736)	499.632.206	(10.158.909.530)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo		Số sau phân loại lại
		VND	VND	
Lợi nhuận trước thuế	01	(141.738.316.998)	784.201.158	(140.954.115.840)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	165.487.321.962	(784.201.158)	164.703.120.804

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HẠNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HẠNH

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



VŨ ANH TUẤN